



NGHIÊN CỨU CẢNH HUỐNG NGÔN NGỮ DÂN TỘC QUA VIỆC XÂY DỰNG BẢN ĐỒ NGÔN NGỮ (TRƯỜNG HỢP TỈNH TRÀ VINH)

Nguyễn Thị Huệ*

Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 12-9-2017; ngày nhận bài sửa: 06-11-2017; ngày duyệt đăng: 30-11-2017

TÓM TẮT

Nhận diện bối cảnh ngôn ngữ tại một địa phương đòi hỏi một công cụ quan sát trực quan, dễ tiếp cận và luôn được cập nhật. Khai thác các kỹ thuật và công nghệ hiện có, bài viết mô tả cách thức hình thành cổng thông tin bản đồ ngôn ngữ dân tộc học tại tỉnh Trà Vinh nhằm góp phần duy trì và bảo tồn ngôn ngữ dân tộc, nâng cao tính phù hợp của các dự án kế hoạch hóa ngôn ngữ.

Từ khóa: bối cảnh ngôn ngữ, bản đồ ngôn ngữ, bảo tồn ngôn ngữ dân tộc.

ABSTRACT

*Studying the vicissitudes of ethnographic languages via language mapping
(the case of Tra Vinh province)*

Identifying a local language context requires an intuitive, accessible, and constantly updated observation tool. Exploiting techniques and technology available, the article describes the formation of the portal of ethnographic language map in Tra Vinh province in order to contribute to the maintenance and preservation of languages, enhancing the appropriateness of language planning projects.

Keywords: language context, language mapping, minority language preservation.

1. Đối tượng xây dựng bản đồ ngôn ngữ

Trà Vinh là tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, có 65 km bờ biển, diện tích tự nhiên 2341 km², trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 81,8%. Dân số chung là 1.015.284 người, trong đó dân tộc Kinh 686.009 người, chiếm tỉ lệ 67,56%; dân tộc Khmer 321.084 người, chiếm tỉ lệ 31,62%; dân tộc Hoa 7690 người, chiếm tỉ lệ 0,77%; còn lại là dân tộc Chăm và một số dân tộc khác 501 người, chiếm tỉ lệ 0,05%. Tỉnh có 61 xã, phường, thị trấn có trên 20% đồng bào dân tộc Khmer. Do đó, cần thực hiện nội dung thứ 14 là Xây dựng bản đồ ngôn ngữ ở các tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số, thực hiện từ năm 2017 đến năm 2019. Nội dung này nằm trong lộ trình triển khai thực hiện đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” (QĐ 1008/QĐ-

* Email: huetvu@tvu.edu.vn

TTG ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành kèm theo Quyết định số 2805/QĐ-GDDT ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trong suốt quá trình phát triển cùng các dân tộc Kinh, Hoa tại vùng đất Nam Bộ, cộng đồng Khmer đã giao hòa, gắn kết tạo nên một nền văn hóa, ngôn ngữ phong phú, đa dạng. Ngôn ngữ giữ vai trò thiết yếu cho hoạt động giao tiếp, đồng thời là sợi dây gắn kết trí tuệ của dân tộc, được truyền đạt, kế thừa và phát huy từ đời này sang đời khác. Có thể khẳng định, ngôn ngữ thể hiện bản sắc của dân tộc. Do đó, việc tìm hiểu tình hình sử dụng ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng nhằm xác định vai trò, chức năng, giá trị của từng ngôn ngữ đang tồn tại trong cộng đồng.

2. Khái niệm cảnh huống ngôn ngữ và việc nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam

Cảnh huống ngôn ngữ là một khái niệm được coi là quan trọng bậc nhất của ngôn ngữ học xã hội vì ngôn ngữ học xã hội nghiên cứu về mặt chức năng của ngôn ngữ (Trần Phương Nguyên, 2012). Cảnh huống ngôn ngữ “là toàn bộ các hình thái tồn tại (bao gồm cả phong cách) của một ngôn ngữ, hay toàn bộ các ngôn ngữ trong một mối quan hệ tương hỗ về lãnh thổ, xã hội và sự tương tác về mặt chức năng, trong giới hạn của một khu vực địa lí nhất định hay một thực thể hành chính-chính trị” (Nguyễn Hữu Hoàn; Nguyễn Văn Lợi; Tạ Văn Thông, 2013). Trong đó, các tác giả khẳng định rằng, khi miêu tả cảnh huống ngôn ngữ ở nước ta, cần quan tâm đến một số nội dung, trong đó bao gồm: (1) số lượng các dân tộc – ngôn ngữ đang hoạt động hành chức trên địa bàn; (2) số lượng người sử dụng từng ngôn ngữ và cách phân bố của các đối tượng này (bao gồm cả sự phân hóa xã hội, trình độ học vấn...).

Như vậy, để xác định cảnh huống ngôn ngữ tại tỉnh Trà Vinh, đòi hỏi một nghiên cứu chuyên sâu nhưng cụ thể. Diễn đạt cảnh huống ngôn ngữ tại một địa phương bằng công cụ công thông tin địa lí và bản đồ số về ngôn ngữ và dân tộc qua giao diện trực tuyến là một việc làm cần thiết. Nhận thức rõ về bối cảnh ngôn ngữ sẽ giúp phân tích một số nguyên nhân gây nên sự khác biệt trong lựa chọn ngôn ngữ và năng lực sử dụng ngôn ngữ theo từng khu vực địa lí, xác định mối liên hệ theo không gian địa lí và các vấn đề kinh tế-xã hội khác, tạo cơ sở cho việc định hướng các quyết định, chính sách ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ dân tộc.

Trần Trí Dõi (1999, 2001) với “Nghiên cứu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, Không Diển (1995) với “Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam”, Tạ Văn Thông (2009, chủ biên) với “Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam”... và một loạt các bài viết của Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông (2013): “Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)”, Nguyễn Văn Khang (2014) với “Nhìn lại chính sách ngôn ngữ của Đảng và nhà nước Việt Nam về tiếng Việt và những vấn đề đặt ra đối với tiếng Việt hiện nay”... Nhìn chung, các công trình chỉ nghiên cứu từng khía cạnh

khác nhau của tình hình sử dụng một ngôn ngữ nào đó hoặc một nhân tố nào đó tại một địa phương trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong công trình “Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam” (Nguyễn Hữu Hoàn; Nguyễn Văn Lợi; Tạ Văn Thông, 2013), ở chương II, Nguyễn Hữu Hoàn viết về “cảnh hưởng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”; trong đó, tác giả trình bày các vấn đề về cảnh hưởng ngôn ngữ nói chung và các vấn đề về cảnh hưởng ngôn ngữ ở Việt Nam nói riêng. Nguyễn Văn Hoàn đã giới thiệu một số quan niệm về cảnh hưởng ngôn ngữ của thế giới và Việt Nam, trong đó quan niệm của Giáo sư Nguyễn Văn Lợi là rõ ràng hơn cả. Có thể nói, khái niệm này đã khái quát được tất cả các vấn đề cần quan tâm cũng như mối quan hệ của các vấn đề trong một cảnh hưởng ngôn ngữ. Về cảnh hưởng ngôn ngữ ở Việt Nam, Nguyễn Hữu Hoàn đã trình bày cụ thể và sâu về các bình diện như: đặc điểm về số lượng dân tộc, ngôn ngữ; đặc điểm về quan hệ cội nguồn, loại hình của các ngôn ngữ; đặc điểm về sự hình thành và phát triển của các dân tộc, ngôn ngữ; đặc điểm về dân số - tộc người và địa lí - tộc người; trình độ phát triển, vai trò vị thế của các ngôn ngữ; thái độ ngôn ngữ của các cộng đồng dân tộc.

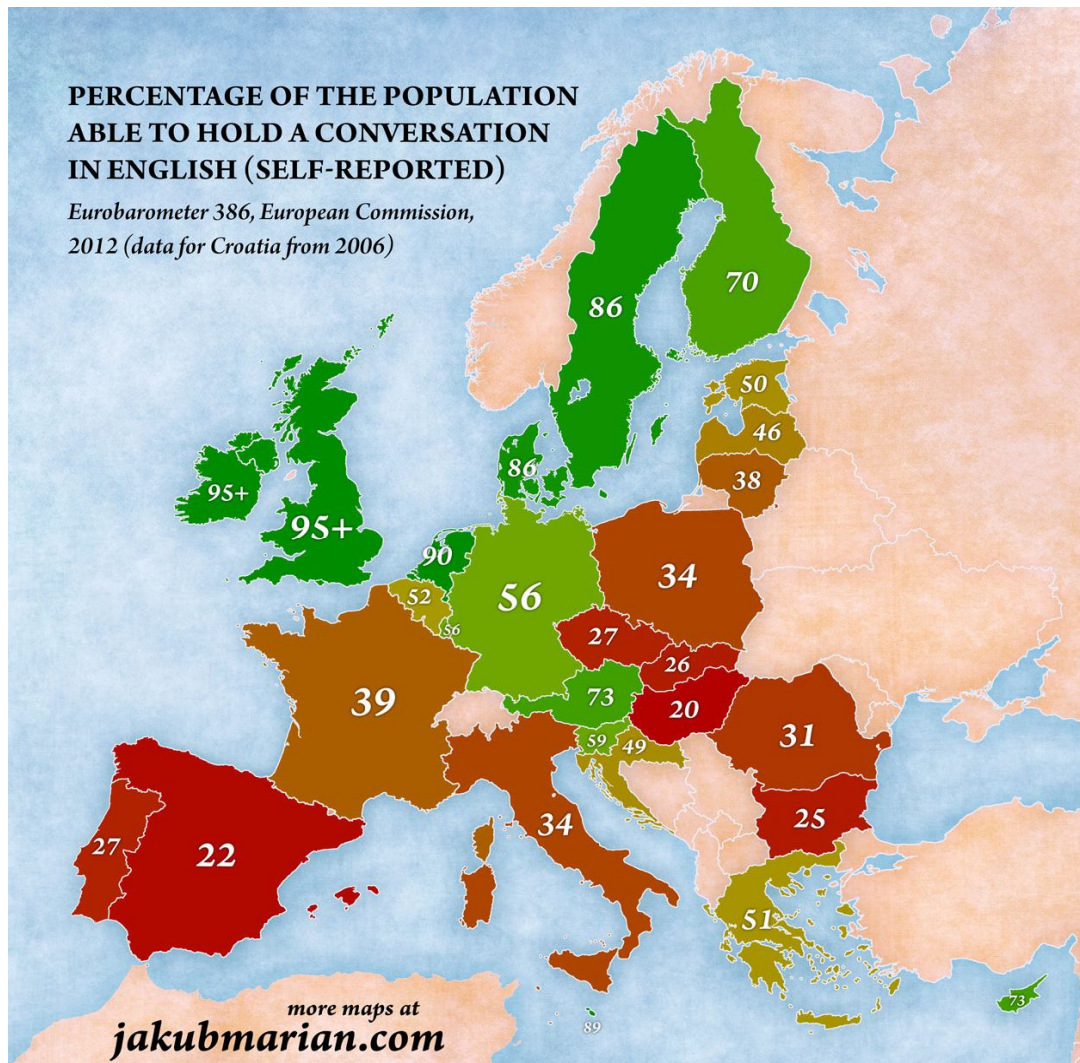
Ở khu vực phía Bắc, tình hình nghiên cứu về cảnh hưởng ngôn ngữ thu hút được nhiều sự quan tâm lựa chọn của các nhà nghiên cứu, như công trình “Cảnh hưởng ngôn ngữ ở Thái Nguyên” (Dương Thị Thanh Hoa, 2010), luận văn “Cảnh hưởng ngôn ngữ ở Hà Giang” (Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2010), luận án tiến sĩ “Nghiên cứu cảnh hưởng ngôn ngữ dân tộc Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam” của Hà Thị Tuyết Nga (2014), nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Dung (2015) nhận diện việc xác định năng lực ngôn ngữ theo các mối tương quan. Cụ thể, tác giả vận dụng xét năng lực tiếng Việt trong các mối tương quan như: (1) Mối tương quan giữa năng lực tiếng Việt và giới tính; (2) Mối tương quan giữa năng lực tiếng Việt và tuổi tác; (3) Mối tương quan giữa năng lực tiếng Việt và trình độ học vấn; (4) Mối tương quan giữa năng lực tiếng Việt và nghề nghiệp; (5) Mối tương quan giữa năng lực tiếng Việt và tình hình kinh tế của gia đình; (6) Mối tương quan giữa năng lực tiếng Việt và mức độ thường xuyên của việc đi ra khỏi làng.

Mỗi công trình hướng vào khai thác sâu các bình diện thuộc cảnh hưởng ngôn ngữ trên địa bàn một tỉnh hay một khu vực cụ thể.

3. Nghiên cứu cảnh hưởng ngôn ngữ qua bản đồ ngôn ngữ trên thế giới

Trên thế giới đã có những công trình công bố liên quan đến việc miêu tả cảnh hưởng ngôn ngữ bằng bản đồ ngôn ngữ số như công trình *Language and Space: Language Mapping* (Lameli, A.; Kehrein, R.; Rabanus, S. (Eds), 2010), *Language mapping in the Atlas* (Moseley, 2010).

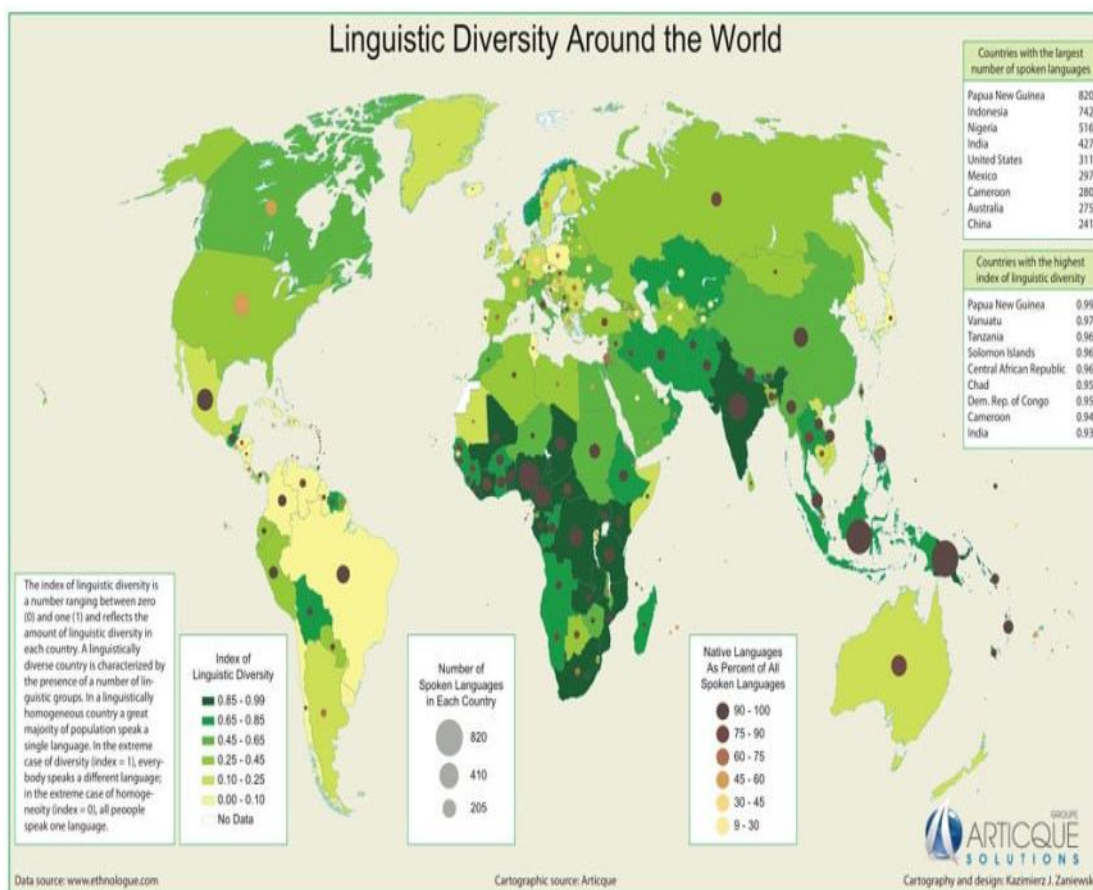
Hình 1 (Marian, 2011) sau đây cho thấy tỉ lệ phần trăm của những người có thể nói chuyện bằng tiếng Anh phân theo từng quốc gia trong khối cộng đồng châu Âu. Bản đồ này được hình thành dựa trên dữ liệu trong công trình “Special Eurobarometer 386” (Eurobarometer, 2012).



Hình 1. Bản đồ tỉ lệ những người có thể nói tiếng Anh ở châu Âu

Kazimierz Zaniewski (Đại học Wisconsin Oshkosh) tạo ra bản đồ (

Hình 2) (Zaniewski, 2011) miêu tả sự đa dạng ngôn ngữ của các nước trên thế giới bằng cách sử dụng dữ liệu của Ethnologue. Bản đồ này đã cho thấy mức độ đa dạng ngôn ngữ ở các quốc gia khác nhau, trong đó số 0 có nghĩa là tất cả mọi người nói cùng một ngôn ngữ và số 1 có nghĩa là tất cả mọi người có ngôn ngữ riêng của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy nước Papua New Guinea có số 0,99, thể hiện mức độ đa dạng ngôn ngữ cao. Trong khi đó, Việt Nam khoảng 0,10-0,25 tương đương mức độ đa dạng ngôn ngữ thấp. Điều này cho thấy tiếng Việt chiếm ưu thế vượt trội so với các ngôn ngữ đang có tại Việt Nam.



Hình 2. Bản đồ đa dạng ngôn ngữ của các nước trên thế giới

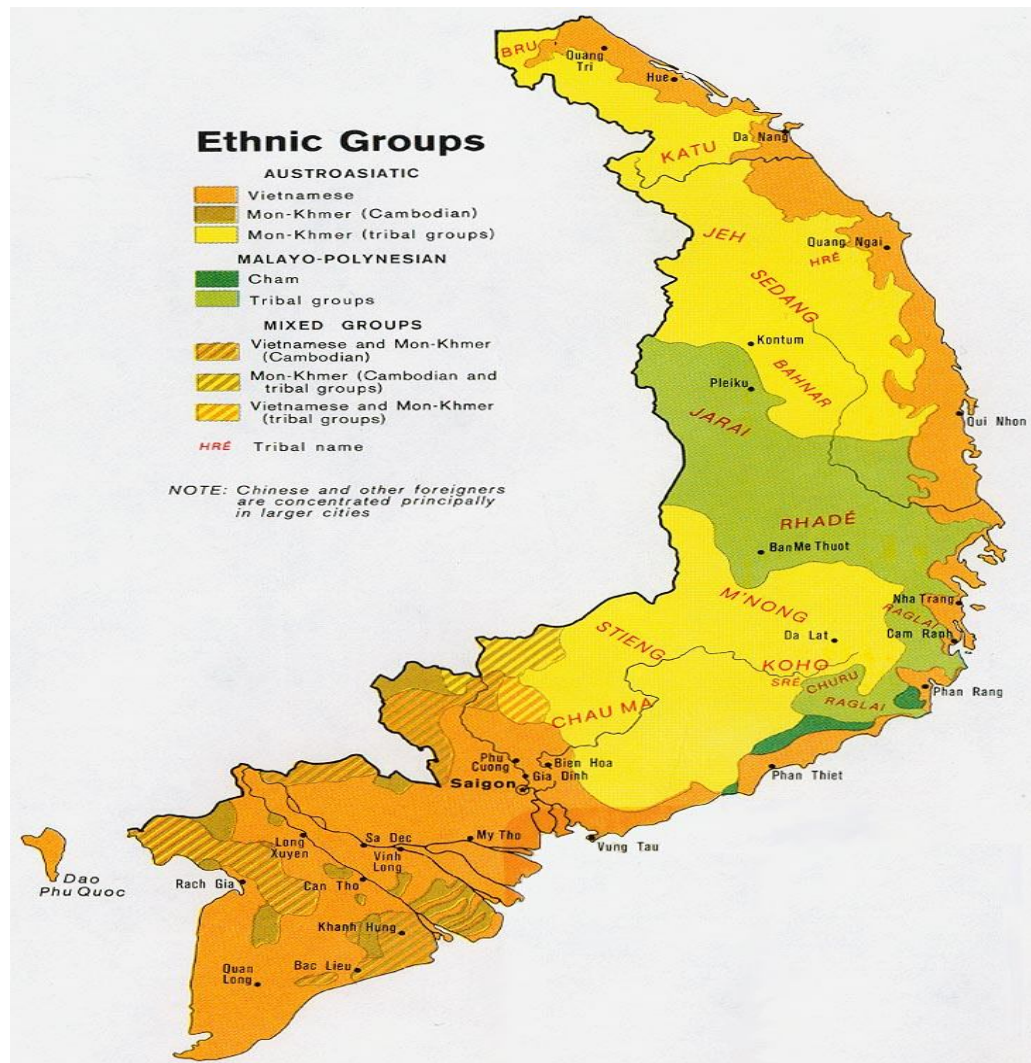
Ngoài ra, bản đồ ngôn ngữ còn được sử dụng để hiển thị sự phân bố các phương ngữ trong một địa phương hay quốc gia.

Hình 3 là bản đồ phương ngữ của nước Đức (GermanAccentsDialects). Với 250 phương ngữ, người dân ở nước Đức đôi khi gặp phải trở ngại một khi ngôn từ địa phương không trùng lặp với ngôn từ toàn dân. Phương ngữ thường là ngôn ngữ thứ nhất để giao tiếp nói năng, chứ không phải là ngôn ngữ trong lớp học hoặc khi học đọc, học viết. Ngôn ngữ toàn dân được xem là ngôn ngữ chuẩn, thường được sử dụng trên báo, đài, sách vở. Tuy nhiên, điều thú vị là học đọc và học viết chữ theo ngôn ngữ toàn dân trong khi đó ngôn ngữ địa phương (phương ngữ) lại được dùng trong quá trình tư duy. Do đặc điểm mức độ phương ngữ nhiều nên bối cảnh ngôn ngữ ở nước Đức trở nên hấp dẫn đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, phương ngữ trên toàn thế giới.



Hình 3. Bản đồ các phương ngữ của nước Đức

Đối với Việt Nam, bản đồ ngôn ngữ dân tộc học đã được lập để thể hiện bối cảnh ngôn ngữ ở miền Nam Việt Nam vào năm 1972 (CLPP).



Hình 4. Bản đồ ngôn ngữ và dân tộc ở miền Nam Việt Nam (năm 1972)

Nhìn chung, hầu hết các bản đồ hiện có đều tập trung mô tả trạng thái ngôn ngữ trên diện rộng (quốc gia hoặc khu vực), chi tiết về bối cảnh ngôn ngữ ở mức tỉnh, huyện hay xã chưa được đề cập. Mặt khác, bản đồ về ngôn ngữ ở Việt Nam còn hạn chế về số lượng và chủ yếu khai thác các bản đồ giấy, do đó đã hạn chế khá nhiều đến sự thuận lợi khi cập nhật hoặc sử dụng cho đông đảo mọi đối tượng quan tâm.

Những nghiên cứu về ngôn ngữ góp phần xác định sự lớn mạnh của tộc người trong các quốc gia. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu tập trung miêu tả trạng thái ngôn ngữ ở từng địa phương. Mặc dù vậy, các dữ liệu nghiên cứu về tình hình sử dụng ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ và thái độ đối với ngôn ngữ của người dân, sự đa dạng ngôn ngữ hay mức độ song ngữ... chưa được nhiều người tiếp cận hoặc khó cho mọi tầng lớp trong xã hội tiếp

cận. Để tạo sự thuận lợi cho việc nhận diện trạng thái ngôn ngữ ở từng vùng địa phương, ý tưởng về việc hiển thị bằng bản đồ ngôn ngữ dân tộc tương tác trực tuyến được tác giả nghiên cứu đề tài phát triển. Điều này vừa thể hiện sự tích hợp công nghệ trong nghiên cứu ngôn ngữ, vừa mở ra một hướng tiếp cận mới cho các nhà nghiên cứu ngôn ngữ trong nước.

4. Nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ qua việc xây dựng bản đồ ngôn ngữ dân tộc học ở tỉnh Trà Vinh

4.1. Bối cảnh song ngữ

Là một tỉnh có đông người dân tộc Khmer, nên sự tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ Việt, Khmer đã diễn ra lâu đời. Điều này đã mang đến một số đặc điểm khá đặc trưng của tiếng Việt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Trà Vinh nói riêng. Số lượng người Khmer biết nói tiếng Việt khá lớn, đến 90%. Hầu hết người Khmer đều nói được tiếng Khmer. Thậm chí các gia đình buôn bán ngay tại thành phố Trà Vinh, mặc dù thời gian tham gia học tập và sinh hoạt hoàn toàn gắn kết với người Việt, nhưng khi vào những dịp lễ, đám tiệc cùng với bà con thân thuộc, họ vẫn sử dụng tiếng Khmer để giao tiếp. Vấn đề ngại nói tiếng Khmer xảy ra khi nói chuyện trước đám đông (phát biểu hội họp...) hoặc ở nơi có sự xuất hiện của người Kinh. Đối với các tình huống thường ngày, người Khmer cảm thấy “thuận tiện” hơn khi sử dụng tiếng Khmer để nói chuyện với nhau.

Các phương tiện nghe nhìn (sách báo, tạp chí, chương trình phát thanh, truyền hình) bằng tiếng Khmer khá đa dạng: Ấn phẩm “Tin ảnh dân tộc và miền núi” của Thông Tấn xã Việt Nam được phát hành có phiên bản tiếng Khmer, nhật báo tiếng Khmer trang của hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng, “báo Trà Vinh” và “báo Sóc Trăng, Tạp chí “Vappa-tho Khmer” (Văn hóa Khmer); chương trình phát thanh tiếng Khmer của cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam, các đài phát thanh – truyền hình của các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; chương trình truyền hình biểu diễn văn nghệ như ca, múa, nhạc kịch bằng tiếng Khmer... Nhìn chung, các chương trình truyền thông đại chúng bằng tiếng Khmer khá đa dạng và phong phú về nội dung lẫn hình thức thực hiện, thu hút sự quan tâm của khán, thính giả người Khmer. Tuy nhiên, khi đi sâu vào chi tiết, nhất là đối với những từ ngữ vay mượn từ tiếng Pali, Sanskrit, hoặc những từ ngữ dịch từ các thuật ngữ mới của tiếng Việt phổ thông, khả năng tiếp nhận thông tin của các tầng lớp nhân dân có sự khác nhau. Đa số đồng bào Khmer chỉ sử dụng tiếng Khmer với chức năng khẩu ngữ giao tiếp hàng ngày nên các thuật ngữ chính trị, kinh tế-xã hội bằng tiếng Khmer rất xa lạ với họ. Tỷ lệ mù chữ Khmer trong đồng bào còn khá cao nên nhiều người không thể đọc báo chữ Khmer. Đối với giới trí thức am hiểu tiếng Khmer, còn nhiều ý kiến tranh luận chưa thật sự thống nhất cho cách dùng từ ngữ, hay cách phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt ra tiếng Khmer trên báo đài.

Ở các gia đình Khmer, tình hình giao tiếp song ngữ thường xảy ra, tập trung nhiều ở các gia đình trí thức. Khả năng song ngữ của các thành viên trong gia đình (đặc biệt đối với

những gia đình tiếp xúc nhiều với bên ngoài, hay cha mẹ có khả năng song ngữ tốt và con cái được đi học) rất cao. Ở những gia đình công chức hay giáo viên, hầu hết phụ huynh đều tập trung rèn luyện tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) cho con trẻ. Điều này đã tạo ra một môi trường song ngữ khá mạnh tại Trà Vinh. Nguyên do chủ yếu là vì tiếng Việt có thể được sử dụng trong những tình huống liên quan đến việc học tập của con cái hay công việc có liên quan đến chính quyền, đoàn thể. Tùy theo thói quen, có những người Khmer chủ yếu sử dụng tiếng Khmer trong gia đình, nhưng điều này có thể thay đổi khi trong cuộc hội thoại có mặt người ngoài gia đình là người Việt. Tùy vào đặc điểm của người này, các thành viên trong gia đình có thể sử dụng dạng song ngữ hay sẽ luân chuyển sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer hay ngược lại. Hiện tượng song ngữ ở cộng đồng người Khmer tỉnh Trà Vinh diễn ra hoàn toàn theo tính chất tự nhiên, có chiều hướng hòa nhập với tiếng Việt nhiều hơn. Người Khmer khẳng định “Khmer là ngôn ngữ gốc” của họ. Và họ cũng khẳng định sự quan trọng của cả hai ngôn ngữ (Việt, Khmer) trong đời sống hàng ngày.

Tiếng Việt chiếm ưu thế khi sử dụng trong các bối cảnh. Hầu như người Khmer không sử dụng tiếng Khmer để giao tiếp với người Kinh (ngoại trừ trường hợp người Kinh chủ động thể hiện là có thể giao tiếp bằng tiếng Khmer). Vấn đề ở đây là nhằm mục đích thông hiểu. Khi được hỏi tại sao họ cần lựa chọn ngôn ngữ đối với người giao tiếp, thì mọi người đều trả lời rằng “Sợ nói tiếng Khmer người ta không hiểu”. Họ chỉ “ưu tiên” tiếng Khmer khi giao tiếp với người Khmer, còn đối với người Việt họ mặc nhiên là phải sử dụng tiếng Việt. Việc kết hợp hai ngôn ngữ trong giao tiếp thường xuyên xảy ra. Sự thuận lợi của việc pha trộn ngôn ngữ chính là do sự tương đồng về đặc điểm cấu trúc của hai ngôn ngữ Việt, Khmer nên các từ thay thế xuất hiện trong các pha trộn ngôn ngữ của người dân Khmer Trà Vinh đều thỏa mãn về từ loại thay thế và vị trí, trật tự trong câu, hay cụm từ.

4.2. Dữ liệu cơ sở cho bản đồ ngôn ngữ

Để hình thành công thông tin bản đồ ngôn ngữ và dân tộc, cần có các loại dữ liệu cần thiết như sau:

- Dữ liệu địa lí để vẽ đường biên của địa phương các cấp;
- Dữ liệu ngôn ngữ và dân tộc.

Dữ liệu địa lí có thể được thu thập từ bản đồ địa chính của tỉnh. Ngoài ra, có một số bản đồ địa chính của cả nước được sưu tập từ nguồn dữ liệu mở để thể hiện đường biên giữa các tỉnh của cả nước.

Dữ liệu ngôn ngữ và dân tộc cần được thu thập ở từng hộ hay từng cá nhân trong từng địa phương cấp thấp nhất có thể (ví dụ cấp xã/phường). Khi có dữ liệu ở mức thấp nhất, công thông tin sẽ tự động tổng hợp dữ liệu cho các cấp còn lại.

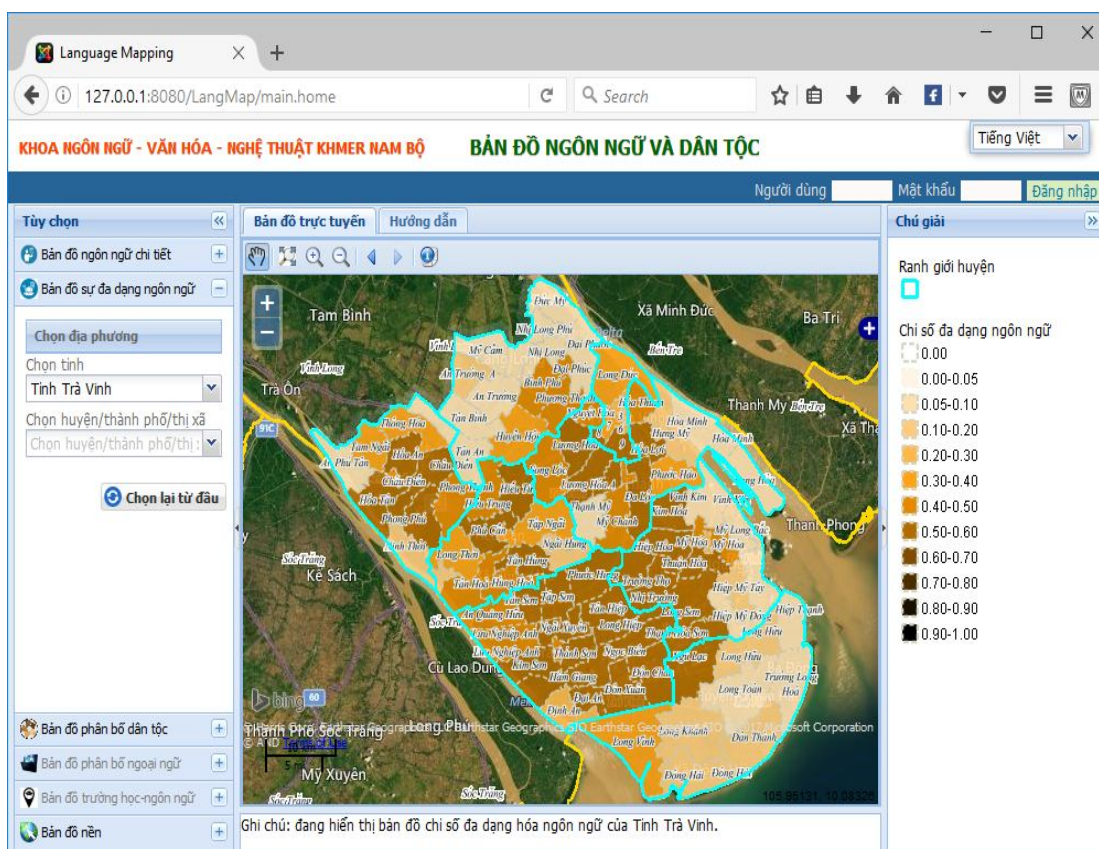
Các tính toán để lập bản đồ về ngôn ngữ và dân tộc cho các quốc gia trên thế giới thường bắt đầu bằng việc thu thập dữ liệu ngẫu nhiên trên từng cá thể và chỉ xem xét tiếng mẹ đẻ của từng cá thể. Trong thực tế, việc tiến hành điều tra từng cá thể sẽ mất nhiều thời gian và công sức. Bên cạnh đó, sự lựa chọn sử dụng ngôn ngữ trong đời sống là xuất phát

từ nhu cầu và ý nguyện của cá nhân nên dữ liệu về số lượng người sử dụng ngôn ngữ luôn thay đổi. Một số người Khmer đã chọn hẳn tiếng Việt cho con cái của họ khi vừa được sinh ra, mặc dù vẫn giữ nguyên thành phần dân tộc là Khmer. Vì vậy một giải pháp khác đề nghị ở đây để thu thập dữ liệu về dân tộc và ngôn ngữ là thu thập dữ liệu ở mức hộ. Cơ sở để tác giả đề nghị khảo sát mức hộ dân là dựa vào cách thức mà Cục Khảo sát Cộng đồng Hoa Kỳ (American Community Survey) thực hiện để tính toán số lượng người sử dụng ngôn ngữ hiện nay tại Mỹ. Chính vì vậy, việc đề xuất phiếu thu thập dữ liệu, xác định số hộ, chọn lựa các hộ để khảo sát là việc làm quan trọng, nhằm cung cấp tư liệu thực tế để phân tích bối cảnh ngôn ngữ và lập các biểu bảng thống kê.

4.3. Khai thác bản đồ trực tuyến trong nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ ở tỉnh Trà Vinh (Hình 5)

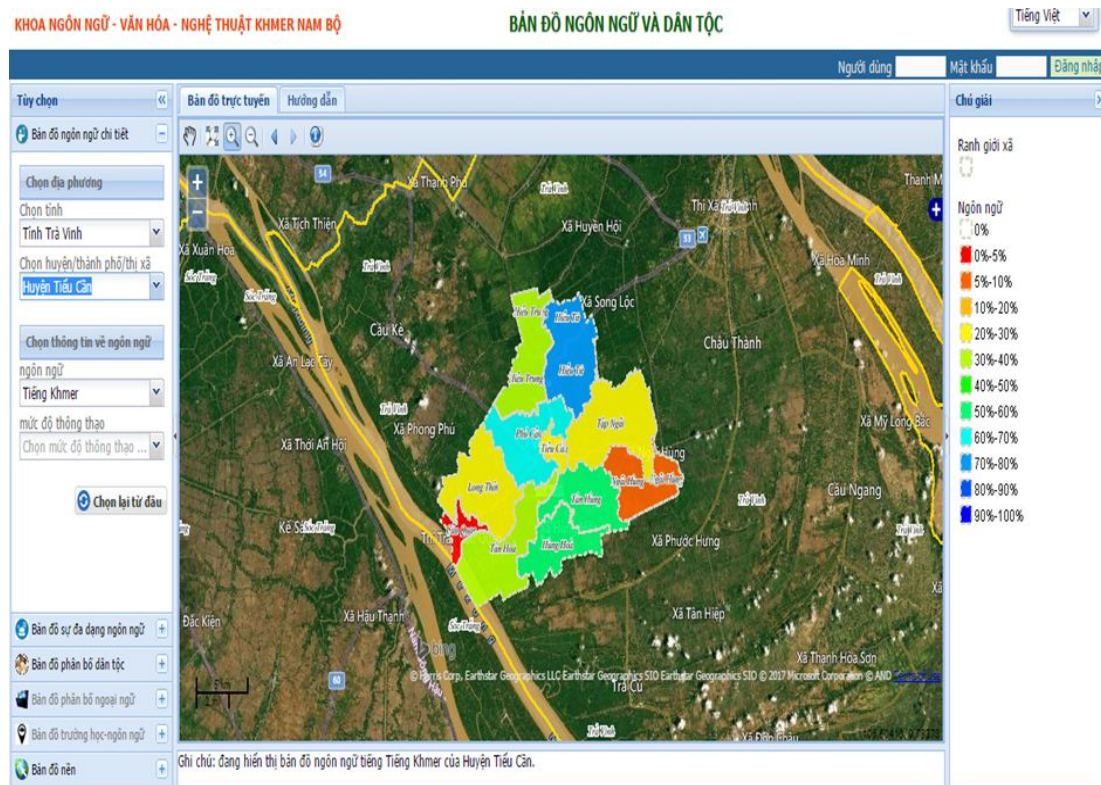
Bản đồ trực tuyến về cảnh huống ngôn ngữ sẽ là công cụ trực quan để xác định:

- Sự phân bố của ngôn ngữ đang hành chức, hay có thể nói là mức độ đa dạng ngôn ngữ ở từng khu vực. Các màu hiển thị trên bản đồ càng đậm, chứng tỏ mức độ tiếp xúc ngôn ngữ ở những khu vực này rất cao, và ngược lại, thấp dần khi màu sáng hơn.



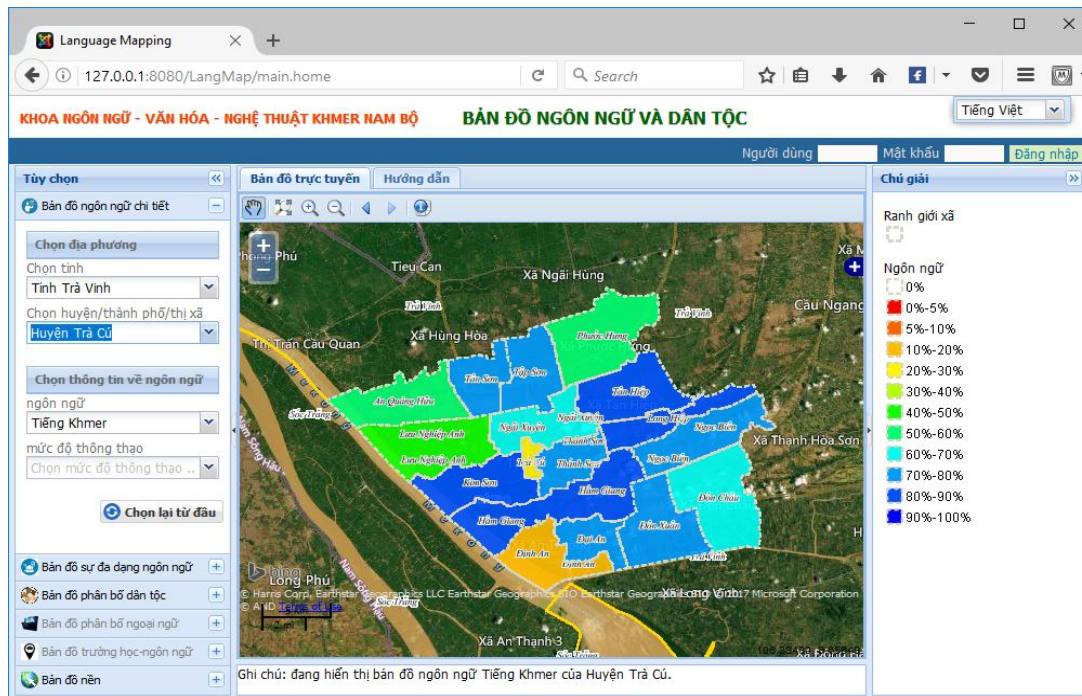
Hình 5. Bản đồ về sự đa dạng hóa ngôn ngữ ở tỉnh Trà Vinh

Bản đồ hiển thị mức độ đa dạng hóa các ngôn ngữ đang tồn tại ở tỉnh Trà Vinh. Ở các khu vực ven sông, ven biển, tỉ lệ đa dạng rất thấp (0,00-0,05%), cụ thể như một số xã thuộc huyện Càng Long, Duyên Hải và thành phố Trà Vinh. Mức độ tiếp xúc ngôn ngữ diễn ra mạnh ở các xã như Hòa Ân, Lương Hòa, Nhị Trường... Bản đồ hiển thị vùng đa dạng hóa ngôn ngữ cao sẽ giúp các nhà nghiên cứu ngôn ngữ xác định vùng trọng tâm cho việc tìm hiểu pidgin và creole. Bên cạnh đó, một khi tiếp xúc ngôn ngữ diễn ra mạnh thì sẽ dẫn đến hiện tượng như trộn mã, chuyển mã hoặc thậm chí vay mượn từ vựng. Về phát âm cũng thay đổi ảnh hưởng lẫn nhau. Có thể, tiếng Việt Trà Vinh ở những vùng này sẽ mang nhiều đặc điểm của ngôn ngữ Khmer (về ngữ âm, chất giọng, từ vựng, cấu trúc, lối diễn giải...); tương tự, tiếng Khmer Trà Vinh cũng vậy. Sẽ càng thêm thú vị khi thu thập tư liệu ngôn ngữ Khmer ở các vùng này và đối chiếu với đặc điểm ngôn ngữ Khmer ở các vùng ít tiếp xúc như Tân An, Huyện Hội, Phú Tân, Vĩnh Thới... Để cụ thể hơn những vùng có người sử dụng tiếng Khmer nhiều nhất, có thể quan sát Hình 6. Đây là bản đồ về sự lựa chọn sử dụng tiếng Khmer của người dân ở huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh hiện nay.



Hình 6. Bản đồ về sự phân bố tiếng Khmer ở huyện Tiểu Cần

Ngoài ra, để tìm hiểu trạng thái ngôn ngữ Khmer ở huyện Trà Cú (xem Hình 7), bản đồ hiển thị toàn huyện với các màu sắc biểu thị cho mức độ lựa chọn sử dụng tiếng Khmer.



Hình 7. Bản đồ về sự phân bố tiếng Khmer ở huyện Trà Cú

Do ngôn ngữ có tính chất xã hội nên các nhà quản lý nhà nước, hoạch định chính sách ngôn ngữ cần có sự đánh giá về trạng thái ngôn ngữ trên diện rộng (địa lý) và theo quá trình diễn biến (thời gian). Để đánh giá trạng thái ngôn ngữ, về mức độ hành chức của từng ngôn ngữ thì không thể chỉ nhìn trong phạm vi một huyện hay một xã. Từ đây đặt ra yêu cầu cho một tầm nhìn trên diện rộng: cả tỉnh, cả khu vực và quốc gia để có thể đảm bảo độ tin cậy và bao quát của dữ liệu khi hoạch định chính sách ngôn ngữ. Bản đồ ngôn ngữ dân tộc trực tuyến là một công cụ tốt, đáp ứng một cách hiệu quả yêu cầu này.

Khi vận dụng bản đồ trực tuyến để xem xét năng lực ngôn ngữ, chẳng hạn như khả năng đọc và viết chữ Khmer, ngoài việc hiển thị theo từng địa phương, việc cập nhật dễ dàng được thực hiện, đáp ứng các hoạt động bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết dân tộc, nhiều chương trình học tập và bồi dưỡng tiếng Khmer cũng đã mở ra cho người dân học tập (kể cả người Kinh). Có thể nói, bản đồ trực tuyến sẽ linh hoạt cập nhật theo số lượng người theo học chữ Khmer nhằm hiển thị nhanh nhất và chính xác nhất tỉ lệ biết chữ. Điều này các công cụ hiện tại như bản đồ giấy, hồ sơ lưu về số liệu thống kê chưa làm được.

Bản đồ trực tuyến này sẽ là nguồn tư liệu cung cấp công khai cho mọi người, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của tất cả các đối tượng trong và ngoài nước. Cụ thể:

(i) Đối với các nhà quản lý chính quyền địa phương

Giữ vai trò thiết yếu trong mọi mặt của đời sống xã hội, cảnh huống ngôn ngữ cần được chú trọng và quan tâm nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, xã hội. Bản đồ ngôn ngữ dân tộc sẽ hỗ trợ các nhà lãnh đạo địa phương trong việc xác định:

- Các ngôn ngữ nào đang được người dân chọn lựa sử dụng trong từng địa phương (đến cấp xã/phường)? Việc lựa chọn ngôn ngữ như vậy có ổn định hay liên tục thay đổi? Nếu liên tục thay đổi là vì sao? Xu hướng người Khmer đang chọn sử dụng ngôn ngữ nào? Có cần phát triển các lớp học, hoạt động để đảm bảo việc duy trì bản sắc văn hóa, ngôn ngữ dân tộc? Cần thực hiện mạnh, ưu tiên ở vùng nào?

- Các dự án đầu tư (nhà máy, xí nghiệp...) bên cạnh vấn đề địa lí, thổ nhưỡng, giao thông thì đang tập trung ở những vùng sử dụng ngôn ngữ nào?

- Ngôn ngữ được sử dụng như thế nào ở các vùng có tỉ lệ bỏ học cao hoặc trình độ dân trí thấp?

- Tại các địa bàn sử dụng nhiều tiếng Khmer thì đội ngũ cán bộ xã phường có am hiểu tiếng Khmer để giao dịch, tiếp cận (tiếp xúc người dân, tuyên truyền chính sách, chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng)?

- Trong tương lai, tiếng Khmer sẽ lan rộng hay thu hẹp ở các vùng nào? Mức độ dịch chuyển các khu vực có sự pha trộn ngôn ngữ mạnh dự kiến sẽ diễn ra như thế nào?

Bên cạnh việc cung cấp dữ liệu cho các nhà quản lí, bản đồ trực tuyến về cảnh huống ngôn ngữ còn là công cụ để giới thiệu về bối cảnh xã hội đang diễn ra ở tỉnh Trà Vinh cho các đối tượng đầu tư kinh doanh, tham quan du lịch, tìm hiểu về ngôn ngữ Khmer, tìm hiểu về sự đa dạng ngôn ngữ... Một mặt, giúp tăng thêm hiểu biết của người dân địa phương về chính quê hương mình, mặt khác, thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu hay đầu tư ở một vùng nào đó tại tỉnh Trà Vinh. Cổng thông tin về cảnh huống ngôn ngữ ở Trà Vinh sẽ làm cầu nối giữa các địa phương trong tỉnh, trong khu vực, quốc gia và các nước láng giềng, đặc biệt đối với Cam-pu-chia, nơi tiếng Khmer là ngôn ngữ chính thức. Nhiều hoạt động kinh doanh sản xuất và dịch vụ đã và đang được tăng cường, thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Cam-pu-chia.

(i) Đối với các nhà giáo dục, nhà nghiên cứu

Có nguồn tư liệu được cập nhật và dễ dàng tiếp cận (web) để theo dõi diễn biến sử dụng ngôn ngữ tại một địa phương trong nước; từ đây, mở ra triển vọng hợp tác nghiên cứu ngôn ngữ, đặc điểm của ngôn ngữ (Việt, Khmer...) tại Trà Vinh – một trong những nơi quy tụ các đặc điểm đặc trưng của ngôn ngữ Khmer Nam Bộ.

(ii) Đối với người dân

Bản đồ ngôn ngữ dân tộc sẽ mở rộng hiểu biết của người dân về các ngôn ngữ đang diễn ra trong cộng đồng mình sinh sống, hoặc những vùng mà họ quan tâm trong tỉnh Trà Vinh.

Nhận thức về vai trò của ngôn ngữ, về thực tế của ngôn ngữ đang diễn ra, người dân sẽ có những đóng góp thiết thực vào sự giữ gìn, phát triển ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ. Họ là những nhân tố quan trọng và quyết định cho hoạt động bảo tồn và phát huy ngôn ngữ dân tộc.

5. Kết luận

Đây là hướng đi ngôn ngữ học ứng dụng rất đáng chú ý và rất cần thiết đối với nghiên cứu dân tộc học và ngôn ngữ dân tộc học ở một quốc gia đa tộc người như ở Việt Nam. Về mặt thực tiễn, ứng dụng cung cấp những cơ sở ban đầu cho nhiều hoạt động nghiên cứu khác nhau từ nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc đến văn hóa, kinh tế, xã hội, giáo dục... Công thông tin sẽ hỗ trợ cho những cơ sở hoạch định nghiên cứu, kiến thức để khảo sát địa bàn nghiên cứu, bước đầu đóng góp thêm cách tiếp cận nghiên cứu ngôn ngữ và dân tộc một cách cụ thể, trực quan và phù hợp với nhu cầu phát triển của khoa học xã hội.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Khổng Diễm. (1995). *Dân số và dân số tộc người ở Việt*. Khoa học xã hội.
- Trần Trí Dõi. (2001). *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội*. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thu Dung. (2015). *Nghiên cứu trạng thái đa ngữ tại huyện Mường Chà-tỉnh Điện Biên*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Dương Thị Thanh Hoa. (2010). *Cảnh huống ngôn ngữ ở Thái Nguyên*. Luận văn Thạc sĩ, Trường đại học Thái Nguyên.
- Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2010). *Cảnh huống ngôn ngữ ở Hà Giang*. Luận văn Thạc sĩ, Trường đại học Thái Nguyên.
- Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông. (2013). *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (những vấn đề chung)*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Nguyễn Văn Khang. (2014). Nhìn lại chính sách ngôn ngữ của Đảng và nhà nước Việt Nam về tiếng Việt và những vấn đề đặt ra đối với tiếng Việt hiện nay. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*.
- Trần Phương Nguyên. (2012). Những nhân tố ảnh hưởng đến cảnh huống ngôn ngữ của người Chăm ở Nam Bộ. *Khoa học Xã hội số 11 (171)*, 41.
- Tạ Văn Thông. (2009). *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.
- Eurobarometer. (2012). *Special Eurobarometer 386: Europeans and their Languages*. Retrieved Jan 30, 2017, from European Union Open Data Portal: https://data.europa.eu/euodp/en/data/dataset/S1049_77_1_EBS386
- Lameli, A.; Kehrein, R.; Rabanus, S. (Eds). (2010). *Language and Space : Language Mapping: An International Handbook of Linguistic Variation*. (Vol. Volume 2). Handbook of linguistics and communication.
- Marian, J. (2011). Map of the percentage of people speaking English in the EU by country. Retrieved Jan 30, 2017, from <https://jakubmarian.com/map-of-the-percentage-of-people-speaking-english-in-the-eu-by-country/>
- Moseley, C. (2010). *Atlas of the World's Languages in Danger*. (3rd Edition). Paris: UNESCO Publishing. Retrieved Jan 30, 2017, from UNESCO: <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/access-to-knowledge/linguistic-diversity-and-multilingualism-on-internet/atlas-of-languages-in-danger/language-mapping/>
- Zaniewski, K. (2011). The linguistic diversity of the world in one map. Retrieved Jan 30, 2017, from <https://matadornetwork.com/read/linguistic-diversity-world-one-map/>